| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **TỐNG VĂN TƯ**
2. Ông **LÝ MINH HÙNG**

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông **TRẦN MINH CƯỜNG -** Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **LÊ THỊ M**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn:* Anh **HÀ MINH T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 04/02/2020 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:*

Do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay do anh chị không hợp tính tình thường xuyên tranh cãi làm mất hạnh phúc. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Hà Minh T*: Không có văn bản ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị M, đồng thời vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:***

[1] Anh Hà Minh T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

***Về nội dung:***

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, chị M trình bày do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cuộc sống chung mất tình cảm không còn hạnh phúc. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Xét thấy, cho chị M được ly hôn anh T là có cơ sở. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay mà anh chị vẫn không sắp xếp được ổn thỏa cho cuộc sống hôn nhân của mình. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Tại phiên tòa, chị M trình bày đều không có, cũng như bản thân anh T không có văn bản ý kiến gì liên quan đến vấn đề này nên không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] *Về án phí:* Chị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Xử***:

***Về quan hệ hôn nhân:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị M. Cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Hà Minh T.

***Về con chung, tài sản chung và nợ chung:*** Đều không có nên không đặt ra xem xét.

***Về án phí:*** Chị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0003086 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối

với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C*;
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**